

ĐỀ THI DỰ BỊ

(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1: Cho tập hợp A gồm các số nguyên lớn hơn -3 và nhỏ hơn 3 . Khẳng định đúng là

- A. $-3 \in A$. B. $3 \in A$. C. $2 \in A$. D. $-2 \notin A$.

Câu 2: Kết quả của phép tính $9^7 : 9^2$ là

- A. 9^5 . B. 9^9 . C. 9^{14} . D. 9^1 .

Câu 3: Cho tập hợp $B = \{0; 1; 2; 3; \dots; 15\}$. Khẳng định đúng là

- A. $B = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 17\}$. B. $B = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 16\}$.
C. $B = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 15\}$. D. $B = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 15\}$.

Câu 4: Trong đợt dịch COVID-19 bùng phát lần thứ 4 tại Hà Nội, các trung tâm, tòa nhà trống thường được sử dụng làm khu cách ly tập trung cho các F1. Khu cách ly của một huyện gồm có hai tòa nhà. Tòa A có 45 phòng, mỗi phòng có 8 giường; tòa B có 40 phòng, mỗi phòng có 6 giường. Biết rằng, theo quy định phòng chống dịch, một giường chỉ cho phép đúng một người nằm. Khu cách ly đó có thể tiếp nhận tối đa số người F1 là

- A. 400. B. 500. C. 600. D. 800.

Câu 5: Cho biểu thức $A = 13 - 2^2$ và $B = 32^0 + 3$. Khẳng định đúng là

- A. $A > B$. B. $A < B$. C. $A = B$. D. Không so sánh được.

Câu 6: Bạn An và bạn Bình cùng tham gia trò chơi xếp cốc thành một kim tự tháp theo quy luật như hình dưới. Biết rằng bạn Bình xếp được 31 chiếc cốc ở hàng dưới cùng, còn bạn An đã sử dụng 465 chiếc cốc. Khẳng định đúng là



- A. Kim tự tháp của Bình cao hơn kim tự tháp của An 1 hàng.
B. Kim tự tháp của Bình thấp hơn kim tự tháp của An 1 hàng.
C. Kim tự tháp của Bình cao bằng kim tự tháp của An.
D. Kim tự tháp của Bình cao hơn kim tự tháp của An 3 hàng.

Câu 7: Trong các số dưới đây, số chia hết cho cả 5 và 9 là

- A. 85. B. 145. C. 325. D. 90.

Câu 8: Trong các số sau, số là bội của 12 là

- A. 2. B. 7. C. 36. D. 45.

Câu 9: Trong các số sau, số nguyên tố là

- A. 31. B. 33. C. 35. D. 32.

Câu 10: Trong các tổng sau, tổng **không** chia hết cho 4 là

- A. $144+17$. B. $144+24$. C. 4^3+4^7 . D. 2^4+4^2 .

Câu 11: Bội chung nhỏ nhất của 24 và 15 là

- A. 120. B. 3. C. 240. D. 360.

Câu 12: Phân tích 148 ra thừa số nguyên tố ta được

- A. $148 = 2^2.39$. B. $148 = 2^2.37$. C. $148 = 2^3.3.13$. D. $148 = 2^3.37$.

Câu 13: Ban phụ huynh lớp 6A chuẩn bị quà tổng kết học kì I cho học sinh trong lớp. Biết rằng, có 128 quyển vở và 96 cái bút chia đều cho học sinh cả lớp. Số học sinh lớp 6A có thể là

- A. 32 học sinh. B. 64 học sinh. C. 36 học sinh. D. 30 học sinh.

Câu 14: Cho các số nguyên x, y, t . Khẳng định đúng là

- A. $x-(y-t)=x-y+t$. B. $x-(y-t)=x+y-t$. C. $x-(y-t)=x-y-t$. D. $x-(y-t)=x+y+t$.

Câu 15: Nhiệt độ thấp nhất từng được ghi nhận tại Canberra (Úc) là 10^0C dưới 0^0C . Ta có thể nói

- A. Nhiệt độ thấp nhất tại Canberra là 10^0C .
B. Nhiệt độ cao nhất tại Canberra là 10^0C .
C. Nhiệt độ thấp nhất tại Canberra là -10^0C .
D. Nhiệt độ cao nhất tại Canberra là -10^0C .

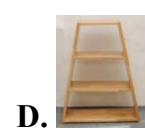
Câu 16: Để tính hợp lí giá trị của phép tính $24+(-66)+(-24)+(-34)$, trong các cách tính dưới đây, cách tính phù hợp nhất là

- A. $[24+(-24)]+[(-66)+(-34)]$. B. $[24+(-66)]+[(-24)+(-34)]$
C. $24+[(-24)+(-66)+(-34)]$ D. $[24+(-34)]+[(-66)+(-24)]$

Câu 17: Giá trị của x để $7.3^{x+1} = 567$ là

- A. $x = 4$. B. $x = 3$. C. $x = 2$. D. $x = 1$.

Câu 18: Trong các hình ảnh thực tế sau, hình ảnh xuất hiện hình thang cân là



Câu 19: Trong các khẳng định sau, khẳng định **sai** là

- A. Hình vuông có 4 góc bằng 90° .
- B. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau
- C. Hình vuông có 1 góc bằng 60° .
- D. Hình vuông có tất cả các cạnh bằng nhau.

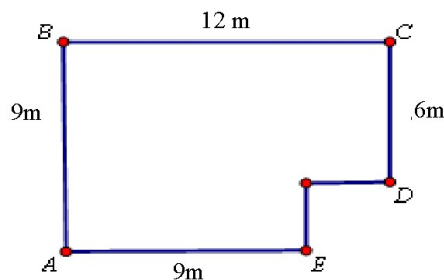
Câu 20: Chu vi hình bình hành ABCD có $AB = 5\text{cm}$, $BC = 3\text{cm}$ là

- A. 8cm .
- B. 15cm .
- C. 16cm .
- D. 16cm^2 .

Câu 21: Diện tích hình thoi MNPQ có số đo hai đường chéo $MP = 4\text{cm}$, $NQ = 3\text{cm}$ là

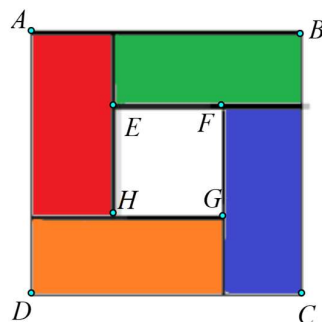
- A. 12cm .
- B. 12cm^2 .
- C. 6cm .
- D. 6cm^2 .

Câu 22: Một mảnh vườn có kích thước như hình vẽ. Diện tích mảnh vườn là



- A. 84 m^2 .
- B. 99 m^2 .
- C. 72 m^2 .
- D. 36 m^2 .

Câu 23: Bốn hình chữ nhật giống nhau (với chu vi bằng 24 cm mỗi hình) được ghép lại để tạo một hình vuông nhỏ EFGH và một hình vuông lớn ABCD như hình dưới đây. Diện tích hình vuông ABCD là



- A. 144 cm^2 .
- B. 80 cm^2 .
- C. 20 cm^2 .
- D. 72 cm^2 .

Câu 24: Trong các hình ảnh thực tế sau, hình ảnh **không** có trục đối xứng là

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4



A. Hình 1.



B. Hình 2.



C. Hình 3.



D. Hình 4.

Câu 25: Số trục đối xứng của một hình vuông là

A. 4.

B. 5.

C. 3.

D. 2.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu và máy tính cầm tay.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.